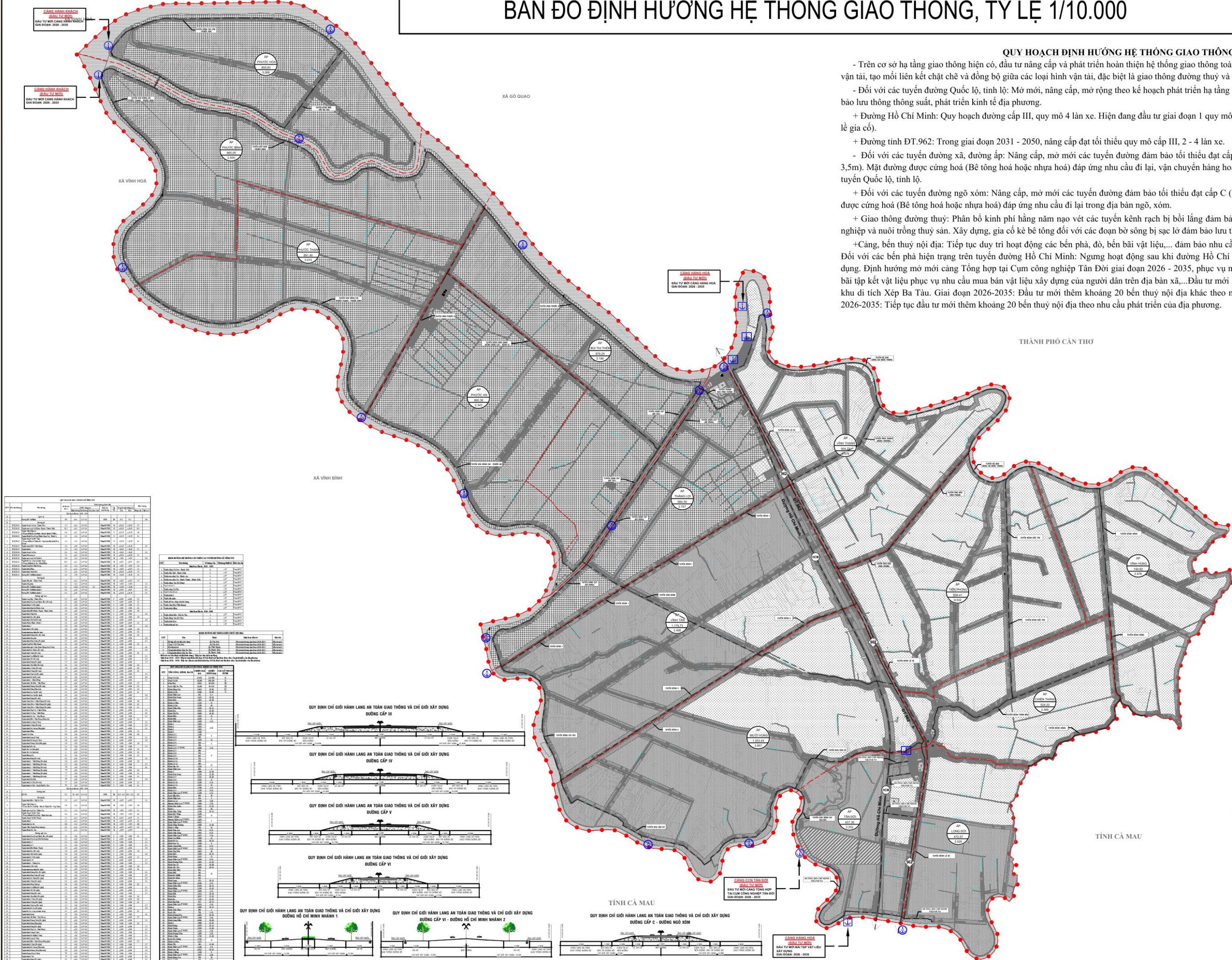


QUY HOẠCH CHUNG XÃ VĨNH TUY, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG, TỶ LỆ 1/10.000



QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG

- Trên cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, đầu tư nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống giao thông toàn xã. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu về giao thông vận tải, tạo mối liên kết chặt chẽ và đồng bộ giữa các loại hình vận tải, đặc biệt là giao thông đường thủy và đường bộ.
- Đối với các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ: Mở mới, nâng cấp, mở rộng theo kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông của Trung ương và của tỉnh. Đảm bảo lưu thông thông suốt, phát triển kinh tế địa phương.
- + Đường Hồ Chí Minh: Quy hoạch đường cấp III, quy mô 4 làn xe. Hiện đang đầu tư giai đoạn 1 quy mô 2 làn xe, bề rộng mặt đường 11m (Bao gồm lề gĩa cỏ).
- + Đường tỉnh ĐT.962: Trong giai đoạn 2031 - 2050, nâng cấp đạt tối thiểu quy mô cấp III, 2 - 4 làn xe.
- Đối với các tuyến đường xã, đường ấp: Nâng cấp, mở mới các tuyến đường đảm bảo tối thiểu đạt cấp VI đồng bằng (Bề rộng mặt đường tối thiểu 3,5m). Mặt đường được cứng hoá (Bê tông hoá hoặc nhựa hoá) đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá trong địa bàn xã và liên kết chặt chẽ với các tuyến Quốc lộ, tỉnh lộ.
- + Đối với các tuyến đường ngõ xóm: Nâng cấp, mở mới các tuyến đường đảm bảo tối thiểu đạt cấp C (Bề rộng mặt đường tối thiểu 2m). Mặt đường được cứng hoá (Bê tông hoá hoặc nhựa hoá) đáp ứng nhu cầu đi lại trong địa bàn ngõ, xóm.
- + Giao thông đường thủy: Phân bổ kinh phí hằng năm nạo vét các tuyến kênh rạch bị bồi lắng đảm bảo lưu thông, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Xây dựng, gia cố kè bê tông đối với các đoạn bờ sông bị sạt lở đảm bảo lưu thông và bảo vệ an toàn người dân.
- +Cảng, bến thủy nội địa: Tiếp tục duy trì hoạt động các bến phà, đò, bến bãi vật liệu,... đảm bảo nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá của người dân. Đối với các bến phà hiện trạng trên tuyến đường Hồ Chí Minh: Ngưng hoạt động sau khi đường Hồ Chí Minh được chính thức đưa vào khai thác, sử dụng. Định hướng mở mới cảng Tổng hợp tại Cụm công nghiệp Tân Đồi giai đoạn 2026 - 2035, phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hoá tại đây, mở mới bãi tập kết vật liệu phục vụ nhu cầu mua bán vật liệu xây dựng của người dân trên địa bàn xã,...Đầu tư mới 2 bến hành khách phục vụ nhu cầu tham quan khu di tích Xếp Ba Tàu. Giai đoạn 2026-2035: Đầu tư mới thêm khoảng 20 bến thủy nội địa khác theo nhu cầu phát triển của địa phương. Giai đoạn 2026-2035: Tiếp tục đầu tư mới thêm khoảng 20 bến thủy nội địa theo nhu cầu phát triển của địa phương.

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI XÃ
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH
- ĐƯỜNG XÃ, ẤP

- | HIỆN TRẠNG | ĐÓT ĐẦU | DẢI HẠN |
|------------|---------|----------------|
| | | BẾN TỔNG HỢP |
| | | BẾN HÀNG HOÀ |
| | | BẾN PHÀ |
| | | BẾN HÀNH KHÁCH |
- AA: TÊN ẤP
AAAA: DIỆN TÍCH (HA)
B: C
C: DÂN SỐ NĂM 2050 (NGƯỜI)

STT	Tên ấp	Diện tích (ha)	Dân số năm 2050 (người)
1	Ấp Tân Đồi	1.200,00	1.200,00
2	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
3	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
4	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
5	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
6	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
7	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
8	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
9	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
10	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
11	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
12	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
13	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
14	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
15	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
16	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
17	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
18	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
19	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
20	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
21	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
22	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
23	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
24	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
25	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
26	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
27	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
28	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
29	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
30	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
31	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
32	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
33	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
34	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
35	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
36	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
37	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
38	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
39	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
40	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
41	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
42	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
43	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
44	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
45	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
46	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
47	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
48	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
49	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
50	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
51	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
52	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
53	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
54	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
55	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
56	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
57	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
58	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
59	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
60	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
61	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
62	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
63	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
64	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
65	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
66	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
67	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
68	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
69	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
70	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
71	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
72	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
73	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
74	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
75	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
76	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
77	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
78	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
79	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
80	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
81	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
82	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
83	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
84	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
85	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
86	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
87	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
88	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
89	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
90	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
91	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
92	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
93	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
94	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
95	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
96	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
97	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
98	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
99	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
100	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00

STT	Tên ấp	Diện tích (ha)	Dân số năm 2050 (người)
1	Ấp Tân Đồi	1.200,00	1.200,00
2	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
3	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
4	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
5	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
6	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
7	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
8	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
9	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
10	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
11	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
12	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
13	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
14	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
15	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
16	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
17	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
18	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
19	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
20	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
21	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
22	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
23	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
24	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
25	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
26	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
27	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
28	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
29	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
30	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
31	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
32	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
33	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
34	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
35	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
36	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
37	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
38	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
39	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
40	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
41	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
42	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
43	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
44	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
45	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
46	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
47	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
48	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
49	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
50	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
51	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
52	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
53	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
54	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
55	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
56	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
57	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
58	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
59	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
60	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
61	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
62	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
63	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
64	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
65	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
66	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
67	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
68	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
69	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
70	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
71	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
72	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
73	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
74	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
75	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
76	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
77	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
78	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
79	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
80	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
81	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
82	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
83	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
84	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
85	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
86	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
87	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
88	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
89	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
90	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00
91	Ấp Tân Khánh	1.200,00	1.200,00
92	Ấp Tân Bình	1.200,00	1.200,00
93	Ấp Tân Hòa	1.200,00	1.200,00
94	Ấp Tân Phú	1.200,00	1.200,00
95	Ấp Tân An	1.200,00	1.200,00
96	Ấp Tân Mỹ	1.200,00	1.200,00
97	Ấp Tân Lạc	1.200,00	1.200,00
98	Ấp Tân Xuân	1.200,00	1.200,00
99	Ấp Tân Thịnh	1.200,00	1.200,00
100	Ấp Tân Hưng	1.200,00	1.200,00

